

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 765/2020/HC-PT

Ngày: 22 – 12 - 2020

*V/v khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý đất đai và yêu cầu
bồi thường thiệt hại.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương.

Các Thẩm phán:

Ông Võ Văn Khoa

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 326/2020/TLPT-HC ngày 26 tháng 5 năm 2020 về “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai” và “yêu cầu bồi thường thiệt hại”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2020/HC- ST ngày 25 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1137/2020/QĐ- PT ngày 03 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 166/2020/QĐ- PT ngày 29 tháng 7 năm 2020; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3392/2020/QĐ- PT ngày 21 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 200/2020/QĐ- PT ngày 19 tháng 9 năm 2020; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3626/2020/QĐ- PT ngày 28 tháng 9 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 319/2020/QĐ- PT ngày 19 tháng 10 năm 2020; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4005/2020/QĐ- PT ngày 19 tháng 10 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 346/2020/QĐ- PT ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4280/2020/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Ngô Thị Tuyết N, sinh năm 1968 và ông Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1965;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã C, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trương Hồng K, sinh năm 1986 (có mặt);

Địa chỉ: số nhà 277, đường 30 Tháng 4, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/01/2019).

2. Người bị kiện:

2.1 UBND huyện T1, tỉnh Đồng Nai (xin vắng mặt);

Địa chỉ trụ sở: Khu phố 3, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: ông Lê Hữu Đ– Phó chủ tịch UBND huyện T1, tỉnh Đồng Nai (Theo văn bản ủy quyền số 10388/UBND-TCD ngày 17/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện T1, tỉnh Đồng Nai).

2.2 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Đồng Nai (xin vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lương Thị L– Phó Chủ tịch UBND huyện T1 (Theo văn bản ủy quyền số 14674/UBND-TCD ngày 12/12/2019 của Chủ tịch UBND huyện T1, tỉnh Đồng Nai).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Bùi Xuân H- Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T1, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Ngô Thị Tuyết N là người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/01/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là bà Ngô Thị Tuyết N và ông Nguyễn Hoàng D do ông Trương Hồng K đại diện trình bày:

Vợ chồng ông D, bà N là chủ sử dụng thửa đất số 81, tờ bản đồ địa chính số 3 (số thửa đất cũ là 134, tờ bản đồ địa chính số 01), xã C, huyện T1, tỉnh Đồng Nai với tổng diện tích 14.350m²; địa chỉ thửa đất: ấp Tân Lập, xã C, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

Từ năm 2005, ông D, bà N đầu tư xây dựng hệ thống chuồng trại tại thửa đất nêu trên để nuôi gia công gà cho Công ty Cổ phần C1. Đây là mô hình trại gà được thiết kế và trang bị hệ thống thiết bị tự động, khép kín theo tiêu chuẩn của Công ty Cổ phần C1, gồm 08 chuồng gà, quy mô mỗi chuồng đều là 500m² (ngang 5m, dài 100m).

Việc ông D, bà N xây dựng trại nuôi gà được sự phê duyệt của Ủy ban nhân dân huyện T1, thể hiện tại văn bản số 1067/UBND-KT, ngày 30/8/2005; các văn bản gia hạn số 3093/UBND-KT ngày 25/11/2008; 2753/UBND-KT ngày 07/12/2009; 263/UBND-KT ngày 15/02/2012; Giấy chứng nhận số 06/2015/CNKTTT ngày 03/3/2015; Giấy chứng nhận số 25/2016/CNKTTT ngày 09/11/2016 của Ủy ban nhân dân huyện T1.

Chi phí đầu tư xây dựng công trình cơ bản (nhà kho, nhà quản lý, hệ thống cấp điện, nước.v.v) là: 4.567.000.000 đồng; Chi phí đầu tư máy móc, thiết bị phục vụ cho việc chăn nuôi (máy làm lạnh, chuồng lạnh tự động, hệ thống cho ăn tự động...) là: 541.704.000 đồng/1 chuồng. Tổng 8 chuồng là: 4.333.632.000 đồng. Như vậy tổng chi phí đầu tư, xây dựng chuồng trại là: 8.900.632.000 đồng. Giá trị chuồng trại, máy móc, thiết bị sau khi khấu hao còn lại hiện nay khoảng 3.000.000.000 đồng. Trước khi trại gà phải ngưng hoạt động, thu nhập bình quân của ông D, bà N sau khi trừ chi phí là: 436.000.000 đồng/ 1 tháng.

Năm 2017, Nhà nước thực hiện Dự án đường dây 500 Kv Trung tâm điện lực X đoạn qua xã B1, xã C, xã T2, huyện T1, tỉnh Đồng Nai. Hệ thống đường dây điện 500kv này đi qua trại gà của ông D, bà N ảnh hưởng trực tiếp đến 07 chuồng gà (phải tháo dỡ phần đầu của 7 chuồng gà, chuồng phải tháo dỡ nhiều nhất là 25m chiều dài và thấp nhất là 2m chiều dài), 01 chuồng còn lại tuy không bị ảnh hưởng trực tiếp (không bị tháo dỡ) nhưng do đây là hệ thống tự động khép kín nên khi 07 chuồng phải ngưng hoạt động thì 01 chuồng còn lại cũng không thể tiếp tục hoạt động. Do đó cả trại gà đều phải ngưng hoạt động. Do trại gà không thể tiếp tục hoạt động nên Công ty Cổ phần C1 cũng đã ngưng thực hiện hợp đồng chăn nuôi gà với ông D, bà N từ tháng 7 năm 2017.

Việc đường dây điện 500 Kv đi qua, làm trại gà phải chấm dứt hoạt động khiến cho ông D, bà N bị thiệt hại rất lớn về tài sản, cụ thể:

Thu nhập thực tế bị mất: mỗi tháng 436.000.000 đồng, Tính từ tháng 7/2018 đến ngày xét xử (ngày 25/3/2020) là 13.452.000.000 đồng.

Chuồng trại, thiết bị phục vụ chăn nuôi phải tháo dỡ, bỏ đi: 3.024.921.000 đồng ;

Chi phí thuê người, phương tiện phá dỡ trại gà: 700.000.000 đồng ;

Tổng giá trị thiệt hại của ông D, bà N là: 17.176.921.000 đồng. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân huyện T1 chỉ phê duyệt phương án bồi thường cho ông D, bà N tổng số tiền là 915.963.150 đồng, cụ thể: Tại Quyết định số 5074/QĐ-UBND, ngày 15/11/2017, bồi thường, hỗ trợ 583.872.400 đồng; Quyết định số 4344/QĐ-UBND, ngày 05/9/2018, bồi thường, hỗ trợ 177.990.750 đồng; Quyết định số 5343/QĐ-UBND, ngày 15/10/2018, bồi thường, hỗ trợ 154.100.000 đồng.

Số tiền mà Ủy ban nhân dân huyện T1 bồi thường như vậy là quá thấp so với thiệt hại thực tế mà vợ chồng ông D, bà N phải gánh chịu. Do việc bồi thường không thỏa đáng nên đến nay ông D, bà N vẫn chưa nhận tiền bồi thường. Đồng thời, bà N đã làm đơn khiếu nại về vấn đề này. Chủ tịch UBND huyện T1 đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1050/QĐ-UBND ngày

14/3/2019, không công nhận khiếu nại của bà N về việc đề nghị bồi thường toàn bộ 08 trại gà.

Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T1 do việc bồi thường không thỏa đáng, thấp hơn nhiều so với thiệt hại thực tế của mình nên ông D, bà N khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết:

- Tuyên hủy các quyết định của Ủy ban dân dân huyện T1 gồm:

- + Quyết định số 5074/QĐ-UBND, ngày 15/11/2017 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông (bà) Nguyễn Hoàng D- Ngô Thị Tuyết N để thực hiện dự án Đường dây 500 Kv Trung tâm điện lực X đoạn qua xã B1, xã C, xã T2, huyện T1 (đợt 6);

- + Quyết định số 4344/QĐ-UBND, ngày 05/9/2018 về việc phê duyệt phương án bổ sung chính sách hỗ trợ khác về đất cho hộ ông (bà) Nguyễn Hoàng D- Ngô Thị Tuyết N để thực hiện dự án xây dựng Đường dây điện 500kv Trung tâm điện lực X đoạn qua huyện T1 (đợt 10);

- + Quyết định số 5343/QĐ-UBND, ngày 15/10/2018 về việc phê duyệt phương án hỗ trợ khác cho hộ ông (bà) Nguyễn Hoàng D- Ngô Thị Tuyết N để thực hiện dự án xây dựng đường dây điện 500kv Trung tâm điện lực X đoạn qua xã C, huyện T1 (đợt 18).

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T1 phải bồi thường toàn bộ thiệt hại mà ông D, bà N phải gánh chịu. Tổng số thiệt hại tính đến ngày xét xử (25/3/2019) là 17.176.921.000 đồng.

Đồng thời trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông D, bà N có đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, cụ thể: yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Ngô Thị Tuyết N.

Tuy nhiên, tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Trương Hồng K rút phần yêu cầu khởi kiện của ông D, bà N về việc buộc UBND huyện T1 phải bồi thường thiệt hại. Chỉ yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính của UBND huyện T1 và quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T1 như đã nêu ở trên để UBND huyện T1 làm lại thủ tục bồi thường cho ông D, bà N theo đúng thiệt hại thực tế mà ông D, bà N đang phải gánh chịu.

- *Tại văn bản số 5878/UBND-TNMT ngày 05/6/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện T1 trình bày:*

Năm 2016, UBND huyện T1 triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án Xây dựng đường dây 500 Kv Trung tâm điện lực X đoạn qua xã B1, xã C, xã T2, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

UBND huyện T1 đã tiến hành các thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho các hộ dân có đất và tài sản bị ảnh hưởng dưới hành lang đường dây 500 Kv nêu trên đi qua. Trong đó, có hộ ông Nguyễn Hoàng D (vợ là bà Ngô Thị Tuyết N) không thuộc diện phải thu hồi đất để xây dựng trụ điện mà chỉ bị ảnh hưởng do đường dây điện kéo qua. Cụ thể đường dây điện 500 Kv kéo qua một phần cuối của thửa đất số 134, tờ bản đồ địa chính số 01 (Theo Bản đồ thực hiện dự

án là thửa đất số 81, tờ bản đồ địa chính số 03), xã C, huyện T1, tỉnh Đồng Nai có diện tích 14.350m² đất (ONT+NHK), với diện tích đất bị ảnh hưởng (nằm trong hành lang an toàn đường điện) là 3.390,3m² (tỷ lệ khoảng không chiếm dụng là 23,6%).

Trên thửa đất này, ông D và bà N đã xây dựng khu chăn nuôi gà gồm 08 dãy chuồng gà và các công trình phụ nhưng hành lang an toàn đường dây điện 500kv chỉ kéo ngang qua trên không của 07 dãy chuồng gà với tổng diện tích chuồng gà bị ảnh hưởng (tính đến trụ đỡ gần nhất của công trình) của cả 07 dãy chuồng gà là 550m².

Việc đo đạc, ghi nhận diện tích đất và tài sản trên đất nằm trong hành lang an toàn do đường dây điện 500kv kéo ngang qua được lập biên bản có sự chứng kiến, xác nhận của ông D. Trên cơ sở này, căn cứ quy định của pháp luật, UBND huyện T1 đã ban hành các quyết định gồm:

1. Quyết định số 5074/QĐ-UBND ngày 15/11/2017, về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông (bà) Nguyễn Hoàng D- Ngô Thị Tuyết N để thực hiện dự án Đường dây 500 Kv Trung tâm điện lực X đoạn qua xã B1, xã C, xã T2, huyện T1 (đợt 6), với nội dung: Phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn Hoàng D (vợ là bà Ngô Thị Tuyết N) các khoản gồm: 3.390,3m² đất nông nghiệp ảnh hưởng dưới hành lang đường dây điện là 284.785.200 đồng; Bồi thường giá trị nhà ở, vật kiến trúc (phần trại gà bị ảnh hưởng) là 287.087.200 đồng; Thưởng di dời 12.000.000 đồng, tổng cộng là 583.872.400 đồng, trong đó:

a) Cơ sở pháp lý

Luật đất đai được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2013.

Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định về giá đất.

Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định chi tiết thi hành luật đất đai.

Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất.

Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

b) Bồi thường, hỗ trợ về đất

Căn cứ quy định tại Điều 22 và Điều 23, Quyết định số 54/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai, quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thì mức hỗ trợ đối với đất nông nghiệp bị ảnh hưởng dưới đường dây dẫn điện trên không điện áp đến 500kv bằng 80% giá trị bồi thường khi thu hồi đất nông nghiệp đó.

Căn cứ Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai thì đất của ông D, bà N là đất nông nghiệp khác thuộc xã C, ở vị trí 2, có giá bồi thường là 105.000 đồng/m².

Do vậy, UBND huyện T1 hỗ trợ, bồi thường về quyền sử dụng đất cho ông D, bà N là $3.390,3\text{m}^2 \times 105.0000 \text{ đồng/m}^2 \times 80\% = 284.785.200 \text{ đồng}$.

c) Bồi thường, hỗ trợ về tài sản

Trên cơ sở Chứng thư thẩm định số 1328/TĐG-CT ngày 06/6/2017 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Đ1 (*Chứng thư có hiệu lực trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày phát hành*), UBND tỉnh ban hành Văn bản số 8115/UBND-ĐT ngày 16/8/2017 về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với tài sản, vật kiến trúc thuộc dự án xây dựng đường dây 500 Kv Trung tâm điện lực X đoạn qua huyện T1.

Căn cứ Quyết định số 3693/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ dự án đường dây 500 Kv Trung tâm điện lực X đoạn qua huyện T1 (đợt 06).

Diện tích 575m² (diện tích trại gà ảnh hưởng dưới hành lang đường dây điện) xây dựng năm 2007 được hỗ trợ giá trị thực tế được UBND huyện phê duyệt là 248.400.000 đồng và hỗ trợ thiết bị di dời là 11.500.000 đồng.

Giá trị bồi thường, hỗ trợ tài sản khác là 27.187.200 đồng.

Do đó, UBND huyện phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ tài sản trên phần diện tích đất ảnh hưởng dưới hành lang an toàn đường dây điện của hộ ông Nguyễn Hoàng D (vợ là bà Ngô Thị Tuyết N) là 248.400.000 đồng + 11.500.000 đồng + 27.187.200 đồng = 287.087.200 đồng.

2. Quyết định số 4344/QĐ-UBND ngày 05/9/2018, về việc phê duyệt phương án bổ sung chính sách hỗ trợ khác về đất cho hộ ông (bà) Nguyễn Hoàng D- Ngô Thị Tuyết N để thực hiện dự án xây dựng Đường dây điện 500 Kv Trung tâm điện lực X đoạn qua huyện T1 (đợt 10), với nội dung phê duyệt phương án bổ sung chính sách hỗ trợ khác về đất cho hộ ông D, bà N với diện tích đất là 3.390,3m² thành tiền là 177.990.750 đồng.

Căn cứ Điều 25, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Điều 31, Quyết định số 54/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Văn bản số 4437/UBND-ĐT ngày 07/5/2018 của UBND tỉnh về việc xử lý bồi thường, hỗ trợ các công trình điện cao thế đang triển khai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

UBND huyện ban hành Quyết định phê duyệt hỗ trợ thêm 50% giá trị hỗ trợ về đất cho hộ ông Nguyễn Hoàng D (vợ là bà Ngô Thị Tuyết N), cụ thể là $3.390,3\text{m}^2 \times 105.000 \text{ đồng/m}^2 \times 50\% = 177.990.750 \text{ đồng}$.

3. Quyết định số 5343/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 về việc phê duyệt phương án hỗ trợ khác cho hộ ông (bà) Nguyễn Hoàng D- Ngô Thị Tuyết N để thực hiện dự án xây dựng đường dây điện 500 Kv Trung tâm điện lực X đoạn qua xã C, huyện T1 (đợt 18), với nội dung là hỗ trợ bổ sung cho hộ ông Nguyễn Hoàng D (vợ là bà Ngô Thị Tuyết N) số tiền 154.100.000 đồng.

Căn cứ Điều 25, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Điều 31, Quyết định số 54/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Thông báo số 5998/TB-UBND ngày 11/6/2018 của UBND tỉnh, về Kết luận của đồng chí Đinh Quốc T3- Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc nghe báo cáo tiến độ thu hồi đất bồi thường, giải phóng mặt bằng các công trình điện cao thế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Văn bản số 8399/UBND-KT ngày 09/8/2019 của UBND tỉnh, về việc hỗ trợ tài sản cho các hộ dân nằm trong dự án Xây dựng đường dây 500 Kv Trung tâm điện lực Xđoạn qua huyện T1.

UBND huyện T1 đã phê duyệt hỗ trợ thêm cho hộ ông Nguyễn Hoàng D (vợ là bà Ngô Thị Tuyết N) giá trị tài sản trên đất với số tiền là 154.100.000 đồng.

Như vậy, hộ ông Nguyễn Hoàng D và bà Ngô Thị Tuyết N được UBND huyện T1 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ với tổng kinh phí là 915.963.150 đồng. UBND huyện T1 đã nhiều lần giao thông báo đến ông Nguyễn Hoàng D và bà Ngô Thị Tuyết N mời đến nhận tổng số tiền nêu trên nhưng đến nay ông Nguyễn Hoàng D, bà Ngô Thị Tuyết N vẫn chưa đến nhận tiền. UBND huyện đã chuyển số tiền này vào tài khoản tạm giữ mở tại Kho bạc Nhà nước huyện T1 theo quy định.

Ngày 21/11/2018, bà Ngô Thị Tuyết N có đơn khiếu nại về Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ gửi UBND huyện.

Ngày 14/3/2019, UBND huyện T1 đã ban hành Quyết định số 1050/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại của bà Ngô Thị Tuyết N, với nội dung: “Không công nhận nội dung khiếu nại đề nghị bồi thường toàn bộ 8 trại gà (tổng diện tích khoảng 4.000m²) xây dựng tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 3, BĐDC xã C vì khiếu nại sai, không có cơ sở xem xét, giải quyết”.

Việc UBND huyện T1 thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Hoàng D, bà Ngô Thị Tuyết N như vậy là đúng quy định của pháp luật, không gây thiệt hại nên không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng D và bà Ngô Thị Tuyết N.

- Tại văn bản số 273/UBND-TTH ngày 08/01/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện T1 trình bày:

Về quy trình giải quyết khiếu nại đối với đơn khiếu nại của hộ bà Ngô Thị Tuyết N, tại dự án xây dựng Đường dây 500 Kv Trung tâm điện lực X, đoạn qua huyện T1 đã được đảm bảo thực hiện đúng quy trình quy định tại Luật Khiếu nại năm 2011, Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại và Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ, quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Liên quan đến nội dung “Khiếu nại đề nghị bồi thường toàn bộ 08 trại gà (diện tích 500m² /trại) xây dựng tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 03 xã C”: tại thời điểm tháng 07/2018, bà Ngô Thị Tuyết N đã có đơn kiến nghị với cùng nội

dung như trên, qua kết quả kiểm tra, xác minh xác định do mô hình trại gà của hộ bà N được thiết kế và trang bị các hệ thống thiết bị tự động theo quy chuẩn của Công ty cổ phần C1(Khu công nghiệp Biên Hòa 2), giá trị các tài sản không nằm trong danh mục kèm theo Quyết định số 55/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai, do đó Trung tâm phát triển quỹ đất huyện thuê đơn vị thẩm định đối với 07 trại gà trên theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 2 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 55/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai (Quyết định có hiệu lực tại thời điểm thực hiện dự án). Qua làm việc với đại diện Công ty cổ phần C1(Khu công nghiệp Biên Hòa 2) thì trường hợp hộ bà N thực hiện giải tỏa phần trại gà bị ảnh hưởng dưới hành lang đường điện (diện tích ảnh hưởng là 550m²) thì phần trại gà còn lại của hộ bà N sẽ không đáp ứng điều kiện quy mô, kết cấu theo Hợp đồng mà hộ bà N và Công ty cổ phần C1- Chi nhánh KCN Biên Hòa 2 đã ký kết (hiện Hợp đồng đang được 02 bên thống nhất tạm ngưng thực hiện) do đó Công ty CP sẽ hủy Hợp đồng với hộ bà N; đồng thời, theo bà N trình bày đối với các trang thiết bị tự động trong trại gà do đã được thiết kế và lắp đặt cố định trong trại từ năm 2005 đến nay) nên việc tháo dỡ sẽ dẫn đến hư hỏng, không sử dụng lại được. Do đó, nội dung này, UBND huyện T1 đã có văn bản số 10940/UBND TTH ngày 26/11/2018, xin ý kiến UBND tỉnh Đồng Nai. Ngày 18/01/2019, UBND tỉnh Đồng Nai có Văn bản số 763/UBND-ĐT, về việc xử lý bồi thường, hỗ trợ tài sản cho hộ dân thuộc dự án đầu tư xây dựng đường điện 500 Kv Trung tâm điện X, nội dung không hỗ trợ thêm đối với đối với tài sản của ông Nguyễn Hoàng D (Ngô Thị Tuyết N) do bị ảnh hưởng bởi đường điện 500 Kv Trung tâm điện lực X. Vì theo Văn bản số 7687/STC-GCS ngày 24/12/2018 của Sở Tài chính thì phần diện tích còn lại của trại gà không bị ảnh hưởng bởi đường điện 500 Kv vẫn có thể cải tạo sử dụng được. Đồng thời UBND tỉnh Đồng Nai đã có hỗ trợ thêm cho ông D, bà N. Ngoài ra, trại gà của ông D, bà N được xây dựng từ năm 2007, đến nay đã hết thời gian khấu hao. Trại gà được tạo lập không có giấy phép xây dựng vì thửa đất nằm ngoài vùng quy hoạch phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung của địa phương, không có giấy phép kinh doanh theo quy định. Do đó, Chủ tịch UBND huyện T1 đã ban hành Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 14/3/2019, nội dung “không công nhận nội dung khiếu nại đề nghị bồi thường toàn bộ 08 trại gà (tổng diện tích khoảng 4000m²) xây dựng tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 03 BĐĐC xã C vì khiếu nại sai, không có cơ sở xem xét, giải quyết” là thực hiện đúng chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai và bảo đảm đúng quy định của pháp luật nên Chủ tịch UBND huyện T1 không đồng ý hủy quyết định này.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2020/HC-ST ngày 25 tháng 3 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng D và bà Ngô Thị Tuyết N về việc yêu cầu hủy các quyết định của Ủy ban dân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 gồm:

- Quyết định số 5074/QĐ-UBND, ngày 15/11/2017 của UBND huyện T1 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông (bà) Nguyễn Hoàng

D- Ngô Thị Tuyết N để thực hiện dự án Đường dây 500 Kv Trung tâm điện lực X đoạn qua xã B1, xã C, xã T2, huyện T1 (đợt 6);

- Quyết định số 4344/QĐ-UBND, ngày 05/9/2018 của UBND huyện T1 về việc phê duyệt phương án bổ sung chính sách hỗ trợ khác về đất cho hộ ông (bà) Nguyễn Hoàng D- Ngô Thị Tuyết N để thực hiện dự án xây dựng Đường dây điện 500 Kv Trung tâm điện lực X đoạn qua huyện T1 (đợt 10);

- Quyết định số 5343/QĐ-UBND, ngày 15/10/2018 của UBND huyện T1 về việc phê duyệt phương án hỗ trợ khác cho hộ ông (bà) Nguyễn Hoàng D- Ngô Thị Tuyết N để thực hiện dự án xây dựng đường dây điện 500 Kv Trung tâm điện lực X đoạn qua xã C, huyện T1 (đợt 18).

- Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Ngô Thị Tuyết N.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng D và bà Ngô Thị Tuyết N về việc buộc UBND huyện phải bồi thường thiệt hại với số tiền là 17.176.921.000đ (mười bảy tỷ một trăm bảy mươi sáu triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn đồng).

Ông D, bà N có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu này, nếu việc khởi kiện không có gì khác với yêu cầu đã bị đình chỉ giải quyết về người khởi kiện, người bị kiện và quan hệ pháp luật có tranh chấp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/4/2020 bà Ngô Thị Tuyết N kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, với lý do: Không đồng ý với nội dung của bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị hủy một phần án sơ thẩm, theo hướng hủy toàn bộ Quyết định số 5074/QĐ-UBND, ngày 15/11/2017 của UBND huyện T1; Quyết định số 4344/QĐ-UBND, ngày 05/9/2018 của UBND huyện T1; Quyết định số 5343/QĐ-UBND, ngày 15/10/2018 của UBND huyện T1 và Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị Tuyết N vẫn giữ nguyên kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung đề nghị sửa án, hủy toàn bộ Quyết định số 5074/QĐ-UBND, ngày 15/11/2017 của UBND huyện T1; Quyết định số 4344/QĐ-UBND, ngày 05/9/2018 của UBND huyện T1; Quyết định số 5343/QĐ-UBND, ngày 15/10/2018 của UBND huyện T1 và Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện T1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Về chứng cứ mới: Cục thuế tỉnh Đồng Nai xác định đây là thu nhập sau thuế và doanh nghiệp được miễn thuế. Bà N ngưng sản xuất kinh doanh, chỉ bị ảnh hưởng một phần, đã bồi thường hỗ trợ cho bà N. Việc ngưng chăn nuôi của bà N với công ty là tranh chấp dân sự nên không chấp nhận hỗ trợ ổn định sản xuất.

Ông K trình bày: Đường dây đi qua ảnh hưởng làm trại gà ngưng hoạt động. Thu nhập của bà N là 436 triệu đồng/ tháng. Toàn bộ thu nhập bị mất, trại

gà ngưng hoạt động. Trại gà không đủ tiêu chuẩn ban đầu. Bà N bị thiệt hại bao gồm 8 trại gà, không xem xét các thiệt hại và mức bồi thường thiệt hại rất thấp. Tháng 07/2017, bình quân thu nhập của bà N là 436 triệu đồng/ tháng. Thiệt hại là rất lớn nhưng chỉ bồi thường 915 triệu đồng là gây thiệt hại cho gia đình bà N.

Công trình bị ảnh hưởng trực tiếp. Bà N yêu cầu bồi thường thiệt hại, hỗ trợ ổn định sản xuất. Bà N bị ảnh hưởng toàn bộ trại gà, Công ty chăn nuôi và TAND tỉnh Đồng Nai đã có thẩm định trại gà. Việc chấm dứt hợp đồng là quan hệ dân sự giữa công ty và trại gà. Hợp đồng dịch vụ giữa các bên ký kết phải được các cơ quan, tổ chức tôn trọng. Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến việc chấm dứt hợp đồng là do ảnh hưởng của đường dây điện. Ủy ban đã tác động làm cho hợp đồng bị chấm dứt. Đối với phần chứng cứ mới. Thu nhập thực tế theo quy định pháp luật, bà N cung cấp thông tin, tài liệu chứng cứ. Bà N cung cấp tài liệu nhưng Ủy ban không xem xét. Ủy ban chưa xem xét quyền lợi của người dân là trái quy định pháp luật. Không chấp nhận các luận điểm của người bảo vệ cho người bị kiện, đề nghị Hội đồng xét xử hủy các quyết định để Ủy ban xem xét theo quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Ông D có đơn xin chăn nuôi và gia hạn. Ông D cam kết sẽ di dời và chăn nuôi theo đúng quy hoạch. Bà N phải cung cấp văn bản ngưng sản xuất kinh doanh vì ảnh hưởng đường dây điện thì Ủy ban mới xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- *Về kháng cáo của bà Ngô Thị Tuyết N:* Sau khi trình bày nội dung vụ án, đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm:

Ủy ban các cấp áp dụng quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 10 Nghị định 47, khoản 7 Điều 7 Quyết định 54, khoản 2 Điều 53 Quyết định 54, biên bản thẩm định tại chỗ thì diện tích 3903m² của ông D, bà N bị hạn chế quyền sử dụng đất nên được hỗ trợ bồi thường.

Ủy ban đã áp dụng đúng chính sách bồi thường, hỗ trợ cho người khởi kiện. Ủy ban đã bồi thường hỗ trợ 80% đất nông nghiệp là đúng quy định pháp luật, bồi thường hỗ trợ tài sản theo biên bản thẩm định, chứng thư thẩm định giá 1328 là đúng. Ủy ban đã giải quyết là đúng, có căn cứ. Án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà N là có căn cứ. Tại phiên tòa, các đương

sự trình bày cũng không làm thay đổi bản chất vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:*

Ngày 28/01/2019, bà N, ông D nộp đơn khởi kiện đối với Quyết định số 5074/QĐ-UBND, ngày 15/11/2017 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, Quyết định số 4344/QĐ-UBND, ngày 05/9/2018 về việc phê duyệt phương án bổ sung chính sách hỗ trợ khác về đất, Quyết định số 5343/QĐ-UBND, ngày 15/10/2018 về việc phê duyệt phương án hỗ trợ khác, sau đó ông D, bà N bổ sung yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Ngô Thị Tuyết N.

Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật tố tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị Tuyết N:

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định: Thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Theo các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và điều thừa nhận thì thửa đất số 81, tờ bản đồ địa chính số 3 (số thửa đất cũ là 134, tờ bản đồ địa chính số 01), xã C, huyện T1, tỉnh Đồng Nai thuộc quyền sử dụng của ông D, bà N có tổng diện tích 14.350m², trong đó có 300m² đất ở nông thôn và 14.050m² đất nông nghiệp. Đường dây điện 500kv kéo qua thửa đất này, ảnh hưởng đến quyền sử dụng 3.390,3m² đất nông nghiệp, ở vị trí 2, thuộc xã C. Đồng thời phải tháo dỡ một phần đầu của 07 chông gà với tổng diện tích phải tháo dỡ tính đến trụ đỡ gần nhất là 575m² (Theo số liệu đo vẽ là 550m² nhưng theo kết quả thẩm định giá là 575m² nên lấy theo số liệu có lợi hơn cho ông D, bà N là 575m²).

[2.2.2] Quyết định 5074/QĐ-UBND ngày 15/11/2017 của UBND huyện T1 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông(bà) Nguyễn Hoàng D- Ngô Thị Tuyết N để thực hiện dự án Đường dây điện 500 Kv Trung tâm điện lực X đoạn qua xã B1, xã C, xã T2 huyện T1:

- Diện tích đất nông nghiệp bị ảnh hưởng dưới hành lang đường dây điện 3.390,3 m² thành tiền 284.785.200 đồng (3.390,3 m² x 105.000 đồng/m² x 80%).

Khoản 2 Điều 10, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, với quy định “Bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ quy định tại Điều 94 của Luật Đất đai được thực hiện như sau: ...2. Trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất thì việc xác định mức bồi thường thiệt hại do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế tại địa phương quy định cụ thể”.

Khoản 2 Điều 23 Quyết định số 54/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định “Đối với đất nông nghiệp nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không điện áp đến 500kV thì được bồi thường với mức bằng mức bồi thường quy định tại Khoản 1, Điều 22 Quy định này”.

Khoản 1 Điều 22 Quyết định số 54/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định “1. Đối với đất nông nghiệp: a) Trường hợp đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có nhà ở không được công nhận là đất ở nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không điện áp đến 220kV thì được bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, với mức bồi thường bằng (=) 100% (một trăm phần trăm) giá bồi thường khi thu hồi đất nông nghiệp đó; b) Đối với đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản không thuộc trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không điện áp đến 220kV thì được bồi thường với mức bằng (=) 60% (sáu mươi phần trăm) giá bồi thường khi thu hồi đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản đó; c) Đối với đất nông nghiệp không thuộc trường hợp quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không điện áp đến 220kV thì được bồi thường với mức bằng (=) 80% (tám mươi phần trăm) giá bồi thường khi thu hồi đất nông nghiệp đó.”

Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định đất nông nghiệp khác thuộc xã C, ở vị trí 2, có giá bồi thường là 105.000 đồng/m².

Đối chiếu với các quy định trên thì 3.390,3m² của ông D, bà N bị hạn chế quyền sử dụng nên thuộc trường hợp được hỗ trợ, bồi thường theo điểm c khoản 1 Điều 22 Quyết định số 54/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Do vậy, UBND huyện T1 hỗ trợ, bồi thường về quyền sử dụng đất cho ông D, bà N 3.390,3m² x 105.000 đồng/m² x 80% = 284.785.200 đồng là đúng quy định của pháp luật.

- Giá trị bồi thường nhà ở, vật kiến trúc là 287.087.200 gồm có:

Hỗ trợ tài sản trại gà theo thẩm định giá là 248.400.000 đồng,

Hỗ trợ thiết bị di dời (thiết bị chuồng gà - hỗ trợ di dời) 11.500.000 đồng.

Bồi thường vật kiến trúc là 27.187.200 đồng (Chòi canh bảo vệ $6,21 \text{ m}^2 \times 400.000 \text{ đồng/ m}^2 \times 80\% = 1.987.200 \text{ đồng}$; giếng khoan công nghiệp $70 \times 450.000 \text{ đồng/ m}^2 = 25.200.000 \text{ đồng}$).

Về phần trại gà với diện tích 575 m^2 nằm dưới hành lang đường điện 500kv cần phải tháo dỡ. Theo Chứng thư thẩm định giá số 1328/TĐG-CT ngày 06/6/2017 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Đ1 thì cả trại gà của ông D, bà N có tổng diện tích xây dựng 3.500 m^2 , chất lượng còn lại là 60% nên trị giá còn lại của 7 chuồng gà ở thời điểm định giá là 1.512.000.000 đồng; chi phí hỗ trợ di dời là 11.500.000đ. Như vậy 575 m^2 trại gà nằm dưới hành lang đường điện 500 Kv cần phải tháo dỡ, có trị giá là: $(1.512.000.000 \text{ đồng} : 3.500 \text{ m}^2) \times 575 \text{ m}^2 = 248.400.000 \text{ đồng}$.

Do vậy, việc UBND huyện T1 thực hiện Văn bản số 8115/UBND-ĐT ngày 16/8/2017 về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với tài sản, vật kiến trúc thuộc dự án xây dựng đường dây 500 Kv Trung tâm điện lực X đoạn qua huyện T1 và căn cứ Quyết định số 3693/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ dự án đường dây 500kv Trung tâm điện lực X đoạn qua huyện T1 (đợt 06) để hỗ trợ, bồi thường tài sản trên đất cho ông D, bà N 248.400.000 đồng, cộng với hỗ trợ thiết bị di dời 11.500.000 đồng và bồi thường, hỗ trợ tài sản khác 27.187.200 đồng, tổng cộng 287.087.200 đồng là đúng quy định của pháp luật.

- Giá trị bồi thường cây trồng là 0
- Giá trị về các chính sách hỗ trợ là 0

Quyết định 54/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (áp dụng và thay thế Quyết định số 42/2010/QĐ-UBND ngày 26/7/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai về mức bồi thường, hỗ trợ đối với đất và tài sản trên đất do hạn chế khả năng sử dụng đất thuộc hành lang an toàn lưới điện cao áp trên không áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai) (Bút lục 355- 367) thì

Tại khoản 2 Điều 14 của Quyết định 54/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai có quy định hỗ trợ ổn định sản xuất: Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP thì được hỗ trợ ổn định sản xuất với mức bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liên kế trước đó.

Điểm d Khoản 1 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP quy định về hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất " Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mà

bị ngừng sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ ổn định sản xuất".

Như vậy, Quyết định 5074/QĐ-UBND ngày 15/11/2017 của UBND huyện T1 không xem xét hỗ trợ ổn định sản xuất cho ông D, bà N là không đúng.

- Thương di dời (bàn giao mặt bằng đúng thời gian quy định)12.000.000 đồng

Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là 583.872.400 đồng.

[2.2.3] Quyết định 4344/QĐ-UBND ngày 05/9/2018 của UBND huyện T1 về việc phê duyệt phương án bổ sung chính sách hỗ trợ khác về đất cho hộ ông(bà) Nguyễn Hoàng D- Ngô Thị Tuyết N để thực hiện dự án xây dựng Đường dây điện 500 Kv Trung tâm điện lực X đoạn qua huyện T1 (đợt 10): diện tích đất bổ sung chính sách hỗ trợ khác theo điểm a mục 1, Văn bản số 4437/UBND-ĐT ngày 07/5/2018 của UBND tỉnh cụ thể bồi thường bổ sung diện tích đất nông nghiệp 3.390,3 m² (105.000 đồng/ m² x 50%) thành tiền là 177.990.750 đồng.

[2.2.4] Quyết định 5343/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 của UBND huyện T1 về việc phê duyệt phương án hỗ trợ khác về đất cho hộ ông(bà) Nguyễn Hoàng D- Ngô Thị Tuyết N để thực hiện dự án xây dựng Đường dây điện 500 Kv Trung tâm điện lực X đoạn qua xã C, huyện T1 (đợt 18):

Chính sách hỗ trợ khác là 154.100.000 đồng (hỗ trợ tài sản theo Văn bản 8399/UBND-ĐT ngày 09/8/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai - Phương án hỗ trợ đã trừ số tiền hỗ trợ thiết bị di dời của trại gà), không có hỗ trợ ổn định sản xuất.

Điều 25, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định “Ngoài việc hỗ trợ quy định tại các Điều 19, 20, 21, 22, 23 và 24 của Nghị định này, căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định biện pháp hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất và công bằng đối với người có đất thu hồi; trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hỗ trợ cho phù hợp với thực tế của địa phương; trường hợp đặc biệt trình Thủ tướng Chính phủ quyết định”. Điều 31 của Quyết định số 54/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định “Ngoài các chính sách hỗ trợ được UBND tỉnh quy định, chủ đầu tư được đề nghị thêm các khoản hỗ trợ khác nhằm mục đích đảm bảo quyền và lợi ích của người có đất, có tài sản bị thu hồi trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và được UBND tỉnh chấp thuận. Mức hỗ trợ cụ thể do chủ đầu tư đề nghị”. Do vậy việc UBND huyện T1 ban hành Quyết định phê duyệt hỗ trợ thêm 50% giá trị hỗ trợ về đất cho ông D, bà N với số tiền 177.990.750 đồng và phê duyệt hỗ trợ thêm cho ông D, bà N giá trị tài sản trên

đất với số tiền là 154.100.000 đồng là có lợi cho ông D, bà N và không trái với quy định của pháp luật.

[2.2.5] Quyết định 1050/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Ngô Thị Tuyết N trong đó Ủy ban nhân dân huyện T1 giải quyết

Khiếu nại Quyết định số 5343/QĐ-UBND, ngày 15/10/2018 của UBND huyện T1, về việc phê duyệt phương án hỗ trợ khác cho hộ ông (bà) Nguyễn Hoàng D- Ngô Thị Tuyết N để thực hiện dự án xây dựng Đường dây 500 Kv Trung tâm điện lực X đoạn qua xã C, huyện T1 (đợt 18), nội dung khiếu nại cụ thể như sau: Đề nghị bồi thường toàn bộ 08 trại gà (diện tích 500m²/trại) xây dựng tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 03 xã C vì đường điện đi qua một phần trại gà của gia đình bị ảnh hưởng nhưng phần diện tích trại gà còn lại gia đình không thể tiếp tục chăn nuôi gà theo Hợp đồng với Công ty cổ phần C1(Khu công nghiệp Biên Hòa 2). Đề nghị xem xét, hỗ trợ đối với việc ngưng sản xuất, chăn nuôi của gia đình từ tháng 07/2017 đến nay, do thực hiện dự án nên Công ty cổ phần C1(Khu công nghiệp Biên Hòa 2) đã ngưng thực hiện Hợp đồng chăn nuôi với gia đình.

Đối với nội dung đề nghị xem xét, hỗ trợ đối với việc ngưng sản xuất, chăn nuôi của gia đình từ tháng 07/2017 đến nay, do thực hiện dự án nên Công ty cổ phần C1(Khu công nghiệp Biên Hòa 2) đã ngưng thực hiện Hợp đồng chăn nuôi với gia đình

Qua kiểm tra hồ sơ bồi thường thể hiện, hộ bà Ngô Thị Tuyết N có 07/08 trại gà bị ảnh hưởng một phần dưới hành lang đường điện; tổng diện tích phần bị ảnh hưởng (diện tích tính đến trụ đỡ gần nhất) là 550m², phần bị ảnh hưởng chỉ chiếm tỷ lệ khoảng 13.75% so với tổng diện tích 08 trại gà (4000m²) trại gà; đồng thời, hộ bà N không có Giấy phép kinh doanh và Giấy phép xây dựng do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép đối với các trại gà trên và khu vực đất của hộ bà N nằm ngoài quy hoạch khu chăn nuôi đã được phê duyệt.

Qua làm việc, bà Ngô Thị Tuyết N trình bày: các trại gà bị ảnh hưởng dưới hành lang đường điện của hộ bà N được xây dựng năm 2007 theo tiêu chuẩn của Công ty cổ phần C1(gia đình nuôi gia công gà cho công ty); hộ bà N không đóng thuế đối với các trại gà này nên không có các biên lai đóng thuế, việc đóng thuế do công ty CP trực tiếp đóng, gia đình cũng đã yêu cầu công ty CP cung cấp các giấy tờ liên quan đến việc đóng thuế các trại gà của gia đình để gửi cơ quan chức năng tuy nhiên công ty trả lời việc đóng thuế các trại gà của hộ bà N được đóng thuế dưới tên của Công ty CP do đó không cung cấp được.

Căn cứ quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định về hỗ trợ ổn định sản xuất như sau:

"...b) Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này thì được hỗ trợ ổn định sản xuất bằng tiền với mức

cao nhất bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liên kế trước đó.

Thu nhập sau thuế được xác định căn cứ vào báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc được cơ quan thuế chấp thuận; trường hợp chưa được kiểm toán hoặc chưa được cơ quan thuế chấp thuận thì việc xác định thu nhập sau thuế được căn cứ vào thu nhập sau thuế do đơn vị kê khai tại báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối mỗi năm đã gửi cơ quan thuế. ”

Như vậy, thông báo cho hộ bà Ngô Thị Tuyết được biết do hộ bà N không có Giấy phép kinh doanh, không có Giấy phép xây dựng do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép đối với các trại gà, đồng thời cũng không cung cấp được các hồ sơ, giấy tờ thể hiện đã đóng thuế liên quan đến hoạt động chăn nuôi các trại gà trên, do đó không có cơ sở để xem xét, tính toán mức hỗ trợ trên cho hộ bà Ngô Thị Tuyết N theo quy định.

Và Ủy ban nhân dân huyện T1 quyết định “không công nhận nội dung khiếu nại đề nghị bồi thường toàn bộ 08 trại gà (tổng diện tích khoảng 4000m²) xây dựng tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 03 BĐĐC xã C vì khiếu nại sai, không có cơ sở xem xét, giải quyết”

[2.2.6] Người đại diện theo ủy quyền của ông D, bà N cho rằng khoản 2 Điều 88 Luật đất đai quy định “Khi Nhà nước thu hồi đất mà tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải ngừng sản xuất, kinh doanh mà có thiệt hại thì được bồi thường thiệt hại” và Khoản 2 Điều 83 Luật đất đai quy định “Các khoản hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất bao gồm: a) Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất”. Đồng thời điểm đ khoản 1 Điều 19 Nghị định 47/2014 của Chính phủ quy định “Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mà bị ngừng sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ ổn định sản xuất”. Ông D, bà N thuộc hộ sản xuất, kinh doanh nhưng UBND huyện T1 không hỗ trợ, bồi thường thu nhập bị mất là chưa đúng quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có văn bản số 1751/2020/QĐ-CCTLCC ngày 18/11/2020 hỏi Cục Thuế tỉnh Đồng Nai về việc tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trương Hồng K đại diện cho người khởi kiện có cung cấp bảng tính thu nhập (phí gia công nuôi gà đẻ trứng theo trại) của Công ty Cổ phần C1 và sao kê tài khoản do Vietcombank cung cấp của chủ tài khoản là Nguyễn Hoàng D về việc Công ty Cổ phần C1 trả thu nhập gà đẻ từ năm 2010-2016 và Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện T1- Bắc Đồng Nai từ tháng 03/2017 đến tháng 7/2017. Theo ông Kỳ trình bày vì bà Ngô Thị Tuyết N và ông Nguyễn Hoàng D là cá nhân nên việc khấu trừ, nộp thuế thu nhập cá nhân do Công ty Cổ phần C1 thực hiện trước khi trả thu nhập cho bà Ngô Thị Tuyết N và ông Nguyễn Hoàng D. Để có cơ sở giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật, đề nghị Quý cơ quan cho

biết với các tài liệu do bà Ngô Thị Tuyết N và ông Nguyễn Hoàng D cung cấp thì có phải là thu nhập sau thuế hay không? (Đính kèm theo các tài liệu trên).

[2.2.7] Tại văn bản số 12160/CT-HKD-CN&TK ngày 30/11/2020 của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai đã phúc đáp văn bản trên như sau:

1. Về vấn đề: Số liệu trên bảng tính có phải là thu nhập sau thuế TNCN hay không ?

Theo nội dung Bảng tính thu nhập (phí gia công nuôi gà đẻ trứng theo trại) phân I: Phí gia công nuôi gà đẻ trứng, bao gồm 11 mục, từ mục 1 đến mục 11. Trong đó mục 11 nêu cách tính thuế TNCN. Mục này là 0 VNĐ

Bảng tính này thể hiện thuế TNCN bằng 0 VNĐ (không đồng). Như vậy, đây là thu nhập sau thuế.

2. Về Thuế thu nhập cá nhân

Căn cứ Điều 4 Luật Thuế thu nhập cá nhân 2007:

“Điều 4. Thu nhập được miễn thuế

5. Thu nhập của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản chưa qua chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường.”

Căn cứ Mục III Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008

“ III. CÁC KHOẢN THU NHẬP ĐƯỢC MIỄN THUẾ

Căn cứ quy định tại Điều 4 của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Điều 4 của Nghị định số 100/2008/NĐ-CP, các khoản thu nhập được miễn thuế và hồ sơ làm căn cứ xác định thu nhập được miễn thuế như sau:

6. Thu nhập của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản chưa qua chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường.

Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản chưa qua chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường có thu nhập được miễn thuế phải thỏa mãn các điều kiện sau:

.....

***6.3** Các sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, nuôi trồng đánh bắt thủy sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc mới chỉ sơ chế thông thường được hiểu như sau:*

6.3.1 Đối với sản phẩm trồng trọt là các sản phẩm mới được phơi, sấy khô, làm sạch, bảo quản tươi bằng hoá chất, bóc vỏ, phân loại và đóng gói.

6.3.2. Đối với sản phẩm chăn nuôi, thủy sản là các sản phẩm mới được phơi, sấy khô, làm sạch, ướp đông, ướp muối, phân loại và đóng gói

Như vậy, Hộ gia đình, cá nhân (Bà Ngô Thị Tuyết N và Ông Nguyễn Hoàng D) gia công chăn nuôi gà ký hợp đồng hợp tác chăn nuôi gà thuộc trường hợp miễn thuế thu nhập cá nhân.

[2.2.8] Như vậy, Quyết định 5074/QĐ-UBND ngày 15/11/2017 của UBND huyện T1 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông(bà) Nguyễn Hoàng D- Ngô Thị Tuyết N để thực hiện dự án Đường dây điện 500 Kv Trung tâm điện lực X đoạn qua xã B1, xã C, xã T2 huyện T1 không đúng phân giá trị về các chính sách hỗ trợ là 0;

Quyết định 5343/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 của UBND huyện T1 về việc phê duyệt phương án hỗ trợ khác về đất cho hộ ông(bà) Nguyễn Hoàng D- Ngô Thị Tuyết N để thực hiện dự án xây dựng Đường dây điện 500 Kv Trung tâm điện lực X đoạn qua xã C, huyện T1 (đợt 18): Chính sách hỗ trợ khác là 154.100.000 đồng, không có hỗ trợ về ổn định sản xuất cho ông D, bà N là không đúng, dẫn đến Quyết định 1050/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Ngô Thị Tuyết N giải quyết khiếu nại Quyết định 5343/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 của UBND huyện T1 cũng không đúng.

[3] Từ những nhận định nêu trên, tại cấp phúc thẩm, đại diện người khởi kiện có cung cấp thêm các chứng cứ mới bảng tính thu nhập (phí gia công nuôi gà đẻ trứng theo trại) của Công ty Cổ phần C1 và sao kê tài khoản do Vietcombank cung cấp của chủ tài khoản là Nguyễn Hoàng D về việc Công ty Cổ phần C1 trả thu nhập gà đẻ từ năm 2010-2016 và Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện T1- Bắc Đồng Nai từ tháng 03/2017 đến tháng 7/2017 và trả lời của Cục thuế tỉnh Đồng Nai đó là thu nhập sau thuế và trường hợp của hộ gia đình ông D, bà N được miễn thuế thu nhập. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà N, sửa bản án sơ thẩm.

Ý kiến của người bảo vệ cho người bị kiện không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm: UBND huyện T1 phải chịu 300.000 đồng.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà N không phải chịu án phí do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, Khoản 2 Điều 241, Điều 348 và Điều 349 của Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 1 Điều 143, Điều 144, khoản 2 Điều 165, Điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, điều 206 và 348 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 75, Điều 83, Điều 88 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định về giá đất; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định chi tiết thi hành luật đất đai.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Ngô Thị Tuyết N. Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2020/HC-ST ngày 25 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng D và bà Ngô Thị Tuyết N về việc yêu cầu hủy các quyết định của Ủy ban dân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 gồm:

- Quyết định số 5074/QĐ-UBND, ngày 15/11/2017 của UBND huyện T1 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông (bà) Nguyễn Hoàng D- Ngô Thị Tuyết N để thực hiện dự án Đường dây 500 Kv Trung tâm điện lực Xđoạn qua xã B1, xã C, xã T2, huyện T1 (đợt 6);

- Quyết định số 4344/QĐ-UBND, ngày 05/9/2018 của UBND huyện T1 về việc phê duyệt phương án bổ sung chính sách hỗ trợ khác về đất cho hộ ông (bà) Nguyễn Hoàng D- Ngô Thị Tuyết N để thực hiện dự án xây dựng Đường dây điện 500kv Trung tâm điện lực Xđoạn qua huyện T1 (đợt 10);

- Quyết định số 5343/QĐ-UBND, ngày 15/10/2018 của UBND huyện T1 về việc phê duyệt phương án hỗ trợ khác cho hộ ông (bà) Nguyễn Hoàng D- Ngô Thị Tuyết N để thực hiện dự án xây dựng đường dây điện 500kv Trung tâm điện lực Xđoạn qua xã C, huyện T1 (đợt 18).

- Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Ngô Thị Tuyết N.

2. Hủy một phần Quyết định số 5074/QĐ-UBND, ngày 15/11/2017 của UBND huyện T1 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông (bà) Nguyễn Hoàng D- Ngô Thị Tuyết N để thực hiện dự án Đường dây 500kv Trung tâm điện lực Xđoạn qua xã B1, xã C, xã T2, huyện T1 (đợt 6) về giá trị về các chính sách hỗ trợ ;

Hủy Quyết định số 5343/QĐ-UBND, ngày 15/10/2018 của UBND huyện T1 về việc phê duyệt phương án hỗ trợ khác cho hộ ông (bà) Nguyễn Hoàng D- Ngô Thị Tuyết N để thực hiện dự án xây dựng đường dây điện 500kv Trung tâm điện lực Xđoạn qua xã C, huyện T1 (đợt 18).

Hủy Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Ngô Thị Tuyết N.

3. Buộc UBND huyện T1 thực hiện nhiệm vụ theo quy định pháp luật.

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng D và bà Ngô Thị Tuyết N về việc buộc UBND huyện phải bồi thường thiệt hại với số tiền là 17.176.921.000đ (mười bảy tỷ một trăm bảy mươi sáu triệu chín trăm hai mươi một nghìn đồng).

Ông D, bà N có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu này, nếu việc khởi kiện không có gì khác với yêu cầu đã bị đình chỉ giải quyết về người khởi kiện, người bị kiện và quan hệ pháp luật có tranh chấp.

5. Về án phí hành chính sơ thẩm: UBND huyện T1 phải chịu 300.000 đồng.

Ông Nguyễn Hoàng D và bà Ngô Thị Tuyết N được nhận lại số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông D, bà N đã nộp theo biên lai thu số 005311 ngày 01/4/2019 của Cục Thi hành án dân tỉnh Đồng Nai.

6. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Ngô Thị Tuyết N không phải chịu. Bà Ngô Thị Tuyết N được nhận lại số tiền 300.000 đồng bà Ngô Thị Tuyết N đã nộp theo Biên lai số 0003805 ngày 21/4/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Đường sự;
- Lưu – (Án - Trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương